

A. NỘI DUNG ÔN TẬP:

I. LÝ THUYẾT:

Chương 1: ESTE – LIPIT

1. Các khái niệm: este, lipit và phân loại lipit, chất béo.
2. Phương pháp điều chế este của ancol.
3. Tính chất vật lý và hoá học của este, chất béo.

Chương 2: CACBOHIĐRAT

1. Khái niệm và phân loại cacbohiđrat.
2. Công thức cấu tạo dạng mạch hở của glucozo.
3. Công thức phân tử của sacarozơ, tinh bột và xenlulozơ.
4. Tính chất vật lí và hoá học của glucozo, sacarozơ, tinh bột và xenlulozơ.
5. Ứng dụng của glucozo, sacarozơ, tinh bột và xenlulozơ.

Chương 3: AMIN – AMINO AXIT – PROTEIN

1. Khái niệm, phân loại, cách gọi tên amin (theo danh pháp thay thế và gốc chúc).
2. Các khái niệm: amino axit, peptit và protein.
3. Đặc điểm cấu tạo phân tử, tính chất vật lí và hoá học của amin, amino axit, peptit và protein.

Chương 4: POLIME VÀ VẬT LIỆU POLIME

1. Các khái niệm về polime và vật liệu polime.
2. Đặc điểm cấu tạo, tính chất vật lí, ứng dụng và một số phương pháp tổng hợp polime.
3. Thành phần chính, sản xuất và ứng dụng của: chất dẻo, vật liệu composit, tơ, cao su.

II. BÀI TẬP

Chương 1:

- Viết CTCT và tên gọi của este. Viết các pthh minh họa tính chất hoá học của este no, đơn chúc; của chất béo.
- Phân biệt được este với các chất khác như ancol, axit, anđehit, ... bằng phương pháp hoá học.
- So sánh nhiệt độ sôi của este so với axit, ancol.
- Tính khối lượng các chất trong pú xà phòng hoá (của este và của chất béo).
- Tính khối lượng xà phòng sản xuất được theo hiệu suất phản ứng.

Chương 2:

- Viết được các pthh chứng minh tính chất hoá học của glucozo; fructozơ; sacarozơ; tinh bột và xenlulozơ.
- Phân biệt được các dung dịch glixerol, glucozo, sacarozơ bằng phương pháp hóa học.
- Tính khối lượng glucozo trong các phản ứng, trong phản ứng thuỷ phân các chất theo hiệu suất.

Chương 3:

- Viết được các đồng phân amin đơn chúc và bậc của amin.
- Viết các phương trình hóa học minh họa tính chất hoá học của amin; amino axit; peptit và protein.
- Phân biệt được anilin với phenol; dung dịch amino axit với dung dịch chất hữu cơ khác; dung dịch protein với các chất lỏng khác bằng phương pháp hoá học.
- Xác định công thức phân tử, công thức cấu tạo theo số liệu đã cho

Chương 4:

- Từ monome viết được công thức cấu tạo của polime và ngược lại.
- Viết được các phương trình hóa học tổng hợp một số polime thông dụng.
- Phân biệt được polime thiên nhiên với polime tổng hợp hoặc nhân tạo.

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

Câu 1: $\text{CH}_2=\text{C}(\text{CH}_3)\text{COOCH}_3$ có tên gọi

- A. methyl acrylat. B. methyl butirat C. methyl isobutirat. D. methyl metacrylat.

Câu 2: phản ứng thủy phân este trong môi trường kiềm, đun nóng được gọi là phản ứng

- A. xà phòng hóa. B. este hóa. C. trung hòa. D. hóa hợp.

Câu 3: Thủy phân $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$ trong môi trường axit thu được chất X và Y, chất Y có khả năng tham gia phản ứng tráng gương. Chất Y là

- A. etanal. B. axit axetic. C. ancol vinylic. D. fomandehit.

Câu 4: Chất Y có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$. Y tác dụng với dung dịch KOH sinh ra $\text{C}_2\text{H}_3\text{O}_2\text{K}$.

Công thức cấu tạo của Y là

- A. HOOCC_2H_5 B. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$ D. HCOOC_2H_5

Câu 5: Thủy phân este X có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ trong dung dịch KOH thu được 2 chất Y và Z trong đó Z có tỉ khối hơi so với H_2 bằng 16. Tên của X là

- A. etyl axetat.. B. methyl axetat C. methyl fomat. D. etyl fomat.

Câu 6: Đốt cháy hoàn toàn 0,11 gam một este X (tạo nên từ một axit cacboxylic đơn chức và một ancol đơn chức) thu được 0,22 gam CO_2 và 0,09 gam H_2O . Số este đồng phân của X là

- A. 4. B. 8. C. 6. D. 2

Câu 7: Este đơn chức X có phần trăm khối lượng các nguyên tố C: H : O = 48,65% : 8,11% : 43,24% . Công thức phân tử của X là

- A. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$. B. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$. C. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$. D. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$.

Câu 8 : Đun 7,4 gam $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ trong dung dịch NaOH vừa đủ đến khi phản ứng hoàn toàn thu được 3,2g ancol Y và một lượng muối Z. Khối lượng của Z là

- A. 8,2 gam. B. 4,01 gam. C. 8,02 gam. D. 4,1 gam.

Câu 9: Cho 10,4 gam hỗn hợp gồm axit axetic và etyl axetat tác dụng vừa đủ với 150 gam dung dịch NaOH 4%. % khối lượng của etyl axetat trong hỗn hợp là

- A. 22%. B. 42,3%. C. 57,5%. D. 88%.

Câu 10: Cho 45 gam axit axetic phản ứng với 69 gam ancol etylic (xúc tác H_2SO_4 đặc), đun nóng, thu được 41,25 gam etyl axetat. Hiệu suất của phản ứng este hoá là

- A. 31,25%. B. 62,50%. C. 40,00%. D. 50,00%.

Câu 11: Cho các phát biểu sau:

(a) Khi thủy phân chất béo luôn thu được $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$

(b) Chất béo được gọi chung là triglycerit hay triaxylglycerol

- (c) Chất béo nhẹ hơn nước, không tan trong nước nhưng tan nhiều trong dung môi hữu cơ
 (d) Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch
 (e) Tristearin, triolein có công thức lần lượt là: $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$, $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$
 (f) Chất béo là trieste của glycerol với các axit béo
 (g) Dầu ăn và mỡ bôi trơn có cùng thành phần nguyên tố

Số phát biểu đúng là

A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 5.

Câu 12: Triolein **không** tác dụng với chất (hoặc dung dịch) nào sau đây?

- A. H_2O (xúc tác H_2SO_4 loãng, đun nóng) B. $Cu(OH)_2$ (ở điều kiện thường)
 C. Dung dịch $NaOH$ (đun nóng) D. H_2 (xúc tác Ni, đun nóng)

Câu 13: Cho glycerol phản ứng với hỗn hợp axit béo gồm $C_{17}H_{35}COOH$ và $C_{15}H_{31}COOH$, số loại trieste được tạo ra tối đa là A. 6. B. 3. C. 5. D. 4.

Câu 14: Có bao nhiêu trieste được tạo ra chứa đồng thời 3 gốc axit khác nhau?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

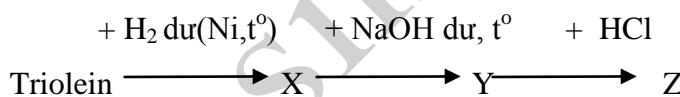
Câu 15: Khi thủy phân chất béo trong môi trường kiềm thu được muối và

- A. etilen glicol. B. glycerol. C. axit béo. D. metanol.

Câu 16: Để chuyển chất béo ở thể lỏng sang thể rắn, người ta tiến hành đun chất béo với

- A. dung dịch $NaOH$. B. H_2 (xt). C. dung dịch KOH . D. dung dịch H_2SO_4 .

Câu 17: Cho sơ đồ chuyển hóa:



Tên của Z là

- A. axit oleic. B. axit linoleic. C. axit stearic. D. axit panmitic

Câu 18: Khi thủy phân este (xt H^+) thu được glycerol, hỗn hợp axit stearic và panmitic theo tỉ lệ 2:

1. Công thức cấu tạo đúng của este là

- A. $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$ B. $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$
 C. $C_{17}H_{35}(C_{15}H_{31})_2(COO)_3C_3H_5$ D. $(C_{17}H_{35})_2C_{15}H_{31}(COO)_3C_3H_5$

Câu 19: Khi thủy phân chất béo X trong dung dịch $NaOH$ thu được glycerol và hỗn hợp hai muối $C_{17}H_{35}COONa$, $C_{15}H_{31}COONa$ có khối lượng hơn kém nhau 1,817 lần. Trong phân tử X có

- A. 3 gốc $C_{17}H_{35}COO$. B. 2 gốc $C_{17}H_{35}COO$. C. 2 gốc $C_{15}H_{31}COO$. D. 3 gốc $C_{15}H_{31}COO$.

Câu 20: Khi thủy phân a gam một este X thu được 0,92 gam glycerol, 3,02 gam natri linoleat ($C_{17}H_{31}COONa$) và m gam natri oleat ($C_{17}H_{33}COONa$). Giá trị của a và m lần lượt là

- A. 8,82 và 6,08. B. 6,08 và 8,82. C. 3,04 và 8,80. D. 8,80 và 3,04.

Câu 21: Dãy gồm các chất được sắp xếp theo thứ tự tăng dần lực bazơ từ trái sang phải là:

- A. Phenylamin, amoniac, etylamin. B. Etylamin, amoniac, phenylamin.

- C. Etylamin, phenylamin, amoniac. D. Phenylamin, etylamin, amoniac.

Câu 22: Số đồng phân amino axit có công thức phân tử $C_3H_7O_2N$ là

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 1.

Câu 23: Chất nào sau đây là amin bậc 2?

- A.** $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{NH}_2$. **B.** $(\text{CH}_3)_2\text{CH}-\text{NH}_2$. **C.** $\text{CH}_3-\text{NH}-\text{CH}_3$. **D.** $(\text{CH}_3)_3\text{N}$.

Câu 24: Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Trong một phân tử tetrapeptit mạch hở có 4 liên kết peptit.
 - B. Trong môi trường kiềm, dipeptit mạch hở tác dụng được với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ cho hợp chất màu tím.
 - C. Các hợp chất peptit kém bền trong môi trường bazơ nhưng bền trong môi trường axit.
 - D. Amino axit là hợp chất có tính lưỡng tính.

Câu 25: Phát biểu **không** đúng là

- A. Etylamin là chất khí ở điều kiện thường.
 - B. Protein là những polopeptit cao phân tử có phân tử khối từ vài chục nghìn đến vài chục triệu
 - C. Metylamin tan trong nước cho dung dịch có môi trường bazơ
 - D. Đipeptit glyxylalanin (mạch hở) có 2 liên kết peptit

Câu 26: Dung dịch chất nào sau đây làm xanh quỳ tím?

- A.** Glyxin **B.** Phenylamin **C.** Metylamin **D.** Alanin.

Câu 27: Ứng với công thức phân tử $C_2H_7O_2N$ có bao nhiêu chất vừa phản ứng được với dung dịch $NaOH$, vừa phản ứng được với dung dịch HCl ?

- A. 4. B. 2. C. 1. D. 3.

Câu 28: Đốt cháy hoàn toàn một amin đơn chức X trong khí oxi dư, thu được khí N_2 ; 13,44 lít khí CO_2 (đktc) và 18,9 gam H_2O . Số công thức cấu tạo của X là

- A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

Câu 29: Cho m gam $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$ phản ứng hết với dung dịch KOH, thu được dung dịch chứa $28,25$ gam muối. Giá trị của m là **A.** $28,25$. **B.** $18,75$. **C.** $21,75$. **D.** $37,50$.

Câu 30: Polime thiên nhiên X được sinh ra trong quá trình quang hợp của cây xanh. Ở nhiệt độ thường, X tạo với dung dịch iot hợp chất có màu xanh tím. Polime X là

- A.** tinh bột. **B.** xenlulozo. **C.** saccarozo. **D.** glicogen.

Câu 31: Thí nghiệm nào sau đây chứng tỏ trong phân tử glucozơ có 5 nhóm hiđroxyl?

- A. Khử hoàn toàn glucozơ thành hexan.
 - B. Tiến hành phản ứng tạo este của glucozơ với anhiđrit axetic.
 - C. Thực hiện phản ứng tráng bạc.
 - D. Cho glucozơ tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

Câu 32: Cacbohiđrat nào sau đây thuộc loại disaccarit?

- A.** Xenlulozo. **B.** Glucozo. **C.** Saccarozo. **D.** Amilozo.

Câu 33: Thủy phân m gam saccarozơ trong môi trường axit với hiệu suất 90%, thu được sản phẩm chứa 10,8 gam glucozơ. Giá trị của m là **A. 20,5.** **B. 22,8.** **C. 18,5.** **D. 17,1.**

Câu 34: Lên men m gam glucozơ để tạo thành ancol etylic (hiệu suất phản ứng bằng 90%). Hấp thụ hoàn toàn lượng khí CO_2 sinh ra vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư, thu được 15 gam kết tủa. Giá trị của m là **A. 15,0.** **B. 18,5.** **C. 45,0.** **D. 7,5.**

Câu 35: Quá trình kết hợp nhiều phân tử nhỏ (monome) thành phân tử lớn (polime) đồng thời giải phóng những phân tử nhỏ khác (thí dụ H_2O) được gọi là phản ứng

A. trùng ngưng. **B. trùng hợp.** **C. xà phòng hóa.** **D. thủy phân.**

Câu 36: PVC là chất rắn vo định hình, cách điện tốt, bền với axit, được dùng làm vật liệu cách điện, ống dẫn nước, vải che mưa,... PVC được tổng hợp trực tiếp từ monome nào sau đây?

A. Vinyl clorua **B. Acrilonitrin** **C. Propilen** **D. Vinyl axetat**

Câu 37: Polime nào sau đây trong thành phần chứa nguyên tố nito?

A. Nilon-6,6 **B. Polietilen** **C. Poli(vinyl clorua)** **D. Polibutadien.**

Câu 38: Tơ nào dưới đây thuộc loại tơ nhân tạo?

A. Tơ nilon-6,6. **B. Tơ axetat.** **C. Tơ tằm.** **D. Tơ capron.**

Câu 39: Các polime thuộc loại tơ nhân tạo là

A. tơ visco và tơ xenlulozơ axetat. **B. tơ visco và tơ nilon-6,6.**
C. tơ tằm và tơ vinilon. **D. tơ nilon-6,6 và tơ capron.**

Câu 40: Cho các tơ sau: tơ xenlulozơ axetat, tơ nitron, tơ visco, tơ nilon-6,6. Có bao nhiêu tơ thuộc loại tơ poliamit?

A. 2 **B. 1** **C. 4** **D. 3**

Câu 41: Sản phẩm hữu cơ của phản ứng nào sau đây **không** dùng để chế tạo tơ tổng hợp?

A. Trùng hợp vinyl xianua. **B. Trùng ngưng axit ϵ -aminocaproic.**
C. Trùng hợp methyl metacrylat. **D. Trùng ngưng hexametylendiamin với axit adipic.**

Câu 42: Trong các polime: tơ tằm, sợi bông, tơ visco, tơ nilon-6, tơ nitron, những polime có nguồn gốc từ xenlulozơ là

A. tơ tằm, sợi bông và tơ nitron. **B. tơ visco và tơ nilon-6.**
C. sợi bông, tơ visco và tơ nilon-6. **D. sợi bông và tơ visco.**

Câu 43: Cho các loại tơ: bông, tơ xenlulozơ axetat, tơ tằm, tơ nitron, nilon-6,6. Số tơ tổng hợp là

A. 5. **B. 2.** **C. 3.** **D. 4.**

Câu 44: Dây gồm các chất được dùng để tổng hợp cao su Buna-S là:

A. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}=\text{CH}_2$, $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}=\text{CH}_2$. **B. $\text{CH}_2=\text{C}(\text{CH}_3)-\text{CH}=\text{CH}_2\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}=\text{CH}_2$.**
C. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}=\text{CH}_2$, lưu huỳnh. **D. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}=\text{CH}_2$, $\text{CH}_3-\text{CH}=\text{CH}_2$.**

Câu 45: Poli(etylen terephthalat) được điều chế bằng phản ứng với axit teraphthalic với chất nào sau đây?

- A. Etylen glicol. B. Etilen C. Glixerol. D. Ancol etylic.

Câu 46: Polime dùng để chế tạo thuỷ tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp

- A. $\text{CH}_2=\text{C}(\text{CH}_3)\text{COOCH}_3$. B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}=\text{CH}_2$. C. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$. D. $\text{CH}_2=\text{CHCOOCH}_3$.

Câu 47: Polime có cấu trúc mạng không gian (mạng lưới) là

- A. nhựa bakelit. B. PVC. C. PE. D. amilopectin.

Câu 48: Phát biểu nào sau đây *không chính xác*.

- A. Khi thuỷ phân chất béo trong môi trường axit sẽ thu được các axit và ancol.
B. Khi thuỷ phân chất béo trong môi trường axit sẽ thu được glixerol và các axit béo.
C. Khi thuỷ phân chất béo trong môi trường kiềm sẽ thu được glixerol và xà phòng.
D. Khi hidro hoá chất béo lỏng sẽ thu được chất béo rắn.

Câu 49: Kết luận nào sau đây là sai:

- A. Este sôi ở nhiệt độ thấp hơn axit tương ứng.
B. Este thường ít tan trong nước.
C. Phản ứng thuỷ phân este thường xảy ra nhanh.
D. Để tăng tốc độ phản ứng este hoá cần tăng nồng độ của axit hoặc ancol.

Câu 50: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp 2 amin no đơn chức đồng đẳng liên tiếp, thu được $n_{\text{H}_2\text{O}}$:

$n_{\text{CO}_2} = 2 : 1$. Hai amin có công thức phân tử là

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$ và $\text{C}_3\text{H}_7\text{NH}_2$ B. CH_3NH_2 và $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$
C. $\text{C}_3\text{H}_7\text{NH}_2$ và $\text{C}_4\text{H}_9\text{NH}_2$ D. $\text{C}_4\text{H}_9\text{NH}_2$ và $\text{C}_5\text{H}_{11}\text{NH}_2$

Câu 51: X là một α -amino axit có chứa một nhóm NH_2 và một nhóm COOH . Đốt cháy hoàn toàn một lượng X thu được CO_2 và N_2 theo tỉ lệ thể tích là 4 : 1. X có công thức cấu tạo là:

- A. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$. B. $\text{H}_2\text{N}(\text{CH}_2)_3\text{COOH}$.
C. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$. D. $\text{CH}_3\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$.

Câu 52: X là một α -amino axit no, chỉ chứa một nhóm $-\text{NH}_2$ và một nhóm $-\text{COOH}$. Cho 4,45 gam X tác dụng với dung dịch HCl dư, ta thu được 6,275 gam muối. X có công thức cấu tạo nào sau đây?

- A. $\text{CH}_3\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$. B. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$.
C. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$. D. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$.

Câu 53: Ancol và amin nào sau đây cùng bậc?

- A. $(\text{CH}_3)_2\text{CHOH}$ và $(\text{CH}_3)_2\text{CHNH}_2$. B. $(\text{CH}_3)_3\text{COH}$ và $(\text{CH}_3)_3\text{CNH}_2$.
C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NHCH}_3$ và $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}(\text{OH})\text{CH}_3$. D. $(\text{C}_6\text{H}_5)_2\text{NH}$ và $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_2\text{OH}$.

Câu 54: Cho 100 ml dung dịch amino axit X 0,2M tác dụng vừa đủ với 80 ml dung dịch NaOH 0,25M. Mất khác 100 ml dung dịch amino axit trên tác dụng vừa đủ với 80 ml dung dịch HCl 0,5M. Biết X có tỉ khói hơi so với H_2 bằng 52. Công thức phân tử của X là:

- A. $(\text{H}_2\text{N})_2\text{C}_2\text{H}_3\text{COOH}$. B. $\text{H}_2\text{NC}_2\text{H}_3(\text{COOH})_2$.
C. $(\text{H}_2\text{N})_2\text{C}_2\text{H}_2(\text{COOH})_2$. D. $\text{H}_2\text{NC}_3\text{H}_5(\text{COOH})_2$.

Câu 55: Đem trùng hợp m tấn etilen thu được 1 tấn polietilen với hiệu suất phản ứng là 80% giá trị của m là

- A. 1,8. B. 2,0. C. 0,8. D. 1,25.

Câu 56: Polime nào dưới đây có cùng cấu trúc mạng không gian?

- A. Amilozơ. B. Caosu lưu hoá. C. Amilopectin. D. Xenlulozơ.

Câu 57: Tính chất nào dưới đây *không* phải là tính chất của cao su tự nhiên?

- A. Tính đàn hồi. B. Không tan trong xăng và benzen.
C. Không thấm khí và thấm nước. D. Không dẫn điện và dẫn nhiệt.

Câu 58: Glicogen còn được gọi là

- A. glixin. B. glixerol. C. tinh bột động vật. D. tinh bột thực vật.

Câu 59: Sacarozơ có thể tác dụng với các chất nào sau đây?

- A. H_2/Ni , t° ; $Cu(OH)_2$ đun nóng. B. $Cu(OH)_2$ đun nóng; CH_3COOH/H_2SO_4 đ, t° .
C. H_2/Ni , t° ; CH_3COOH/H_2SO_4 đ, t° . D. $Cu(OH)_2$; dd $AgNO_3/NH_3$.

Câu 60: Lên men m gam glucozơ với hiệu suất lên men đạt 75%; toàn bộ khí sinh ra được dẫn vào dd $Ca(OH)_2$ để tạo ra 40 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 24 B. 40 C. 48 D. 50
Câu 61: Xenlulozơ trinitrat là chất dễ cháy, nổ mạnh. Để điều chế 29,7 kg xenlulozơ trinitrat từ xenlulozơ và axit nitric 96% ($D = 1,52$ g/ml) thì số lít dung dịch axit HNO_3 đó là
A. 14,390 B. 12,95 C. 1,439 D. 24,390

Câu 62: Đốt cháy hoàn toàn a mol X (là trieste của glicerol với các axit đơn chúc, mạch hở), thu được b mol CO_2 và c mol H_2O ($b - c = 4a$). Hiđro hoá m₁ gam X cần 6,72 lít H_2 (đktc), thu được 39 gam Y (este no). Đun nóng m₁ gam X với dung dịch chứa 0,7 mol NaOH, cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được m₂ gam chất rắn. Giá trị của m₂ là:

- A. 57,2 B. 52,6 C. 53,2 D. 42,6

Câu 63: Dipeptit mạch hở X và tripeptit mạch hở Y đều được tạo nên từ một amino axit (no, mạch hở, trong phân tử chứa một nhóm $-NH_2$ và một nhóm $-COOH$). Đốt cháy hoàn toàn 0,05 mol Y, thu được tổng khối lượng CO_2 và H_2O bằng 27,45 gam. Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol X, sản phẩm thu được lội từ qua nước vôi trong dư, tạo ra m gam kết tủa. Giá trị của m là:

- A. 60 B. 30 C. 15 D. 45